

HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT TỔNG ĐÀI PABX CP1696 =PC

A. HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT TỔNG ĐÀI

Giải số mặc định từ 601->632, mặc định khi gọi vào đồ chuông máy 602

Bước 1 : Đăng nhập phần mềm PBX _ D600

Run Administrator



Bước 2 : Đăng nhập với ID: 001

Login password: admin

A screenshot of the PBX Management System D600 login window. The window title is "Login". The header area is blue and contains the text "PBX Management System D600" and an image of a server rack. Below the header, there are two input fields: "Operator ID" with a dropdown menu showing "001" and "Login password" with an empty text box. At the bottom, there are two buttons: "Login" and "Exit".

Operator ID	001
Login password	

Login Exit

Chọn Yes để kết nối phần mềm với PBX

1. Thay đổi số máy lẻ nội bộ

VD: Thay đổi số 601 thành số 101

Vào mục EXT Parameter --- tại cột Flexible Coding trở chuột vào ô máy lẻ thay số máy lẻ cần thay sau đó ấn enter

Port	Flexible Coding	Out Mode	Intercom Ext	Class, day	Class, night	Duration	Trunk group available Day	Trunk group available Night	Transfer	Transfer number	Ext password	Enable Transfer	Hotline	Enable IP	Enable abbreviated dial	Enable Mutual dialing	Ext pick up	Pick up class	ICM class	Internal caller ID	Ext lock
1	101	Indirect		1	1	0	1	1	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
2	602	Indirect		1	1	0	2	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
3	603	Indirect		1	1	0	3	3	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
4	604	Indirect		1	1	0	0	0	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
5	605	Indirect		1	1	0	0	0	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
6	606	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
7	607	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
8	608	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
9	609	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
10	610	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
11	611	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
12	612	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
13	613	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
14	614	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
15	615	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
16	616	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
17	617	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
18	618	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
19	619	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
20	620	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
21	621	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
22	622	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
23	623	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
24	624	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
25	625	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
26	626	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
27	627	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
28	628	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
29	629	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	
30	630	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	

2. A. Cài đặt gọi vào LINE (1) đổ chuông vào máy lẻ chỉ định (VD: 101 ở Jack 601)

Bước 1: Vào mục Trunk Parameter -tại cột ringing ext day + tại cột Ringing ext night điền port của máy nhánh cần đổ chuông

VD: Line 1 đổ chuông vào Jack 601 ta điền số 1 (số 1 là jack 601)

PBX Parameters

Trunk parameter | LCR | CO Line Group | IP Dialing | Relay affiliated | E1 Install | E1 Channel | DID | E1 Number

Trunk	Work Mode	Trunk Type	Ringling Ext.day	Ringling Ext.night	Enable CO line
1	Operator	Common	1	1	Enable
2	Operator	Common	2	2	Disable
3	Operator	Common			Disable
4	Operator	Common			Disable
5	Operator	Common			Disable
6	Operator	Common			Disable
7	Operator	Common			Disable
8	Operator	Common			Disable

[Ringing Ext,night]

Cài đồ chuông Line 1 vào máy lẻ jack 601

Cài đặt gọi vào LINE (2-3-4) đồ chuông vào máy lẻ chỉ định (VD: 101 ở Jack 601) ta làm tương tự

2.B. Cài đặt gọi vào LINE (2) đồ chuông vào máy lẻ chỉ định (VD: 102 ở Jack 602)

VD: Line 2 đồ chuông vào Jack 602 (máy lẻ 102) ta điền số 2

Bước 2: Vào mục Trunk Parameter -tại cột ringing ext day + tại cột Ringing ext night điền số port của máy nhánh cần đồ chuông

PBX Parameters

Trunk parameter | LCR | CO Line Group | IP Dialing | Relay affiliated | E1 Install | E1 Channel | DID | E1 Number

Trunk	Work Mode	Trunk Type	Ringling Ext,day	Ringling Ext.night	Enable CO line
1	Operator	Common	1	1	Enable
2	Operator	Common	2	2	Disable
3	Operator	Common			Disable
4	Operator	Common			Disable
5	Operator	Common			Disable
6	Operator	Common			Disable
7	Operator	Common			Disable
8	Operator	Common			Disable

[Ringling Ext,night]:

Cài đồ chuông Line số 2 vào máy lẻ jack 602

3. Cắm máy lẻ gọi ra Trên Tất cả CÁC LINE 1 - 8

Bước 1: Vào mục EXT Parameter → EXT LOCK → máy lẻ nào cần khóa chọn Yes

VD: Máy lẻ 101 không được gọi ra trên bất kỳ LINE nào

Các máy lẻ khác ta làm tương tự

PBX Parameters

Ext parameter		Ext group parameter																			
Port	Intercom Ext	Class, day	Class, night	Duration	Trunk group available Day	Trunk group available Night	Transfer	Transfer number	Ext password	Enable Transfer	Hotline	Enable IP	Enable abbreviated	Enable Mutual dialing	Ext pick up	Pick up class	ICM class	Internal caller ID	Ext lock	Transfer to CO line	Call transfer duration time
1		1	1	0	0	0	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
2		1	1	0	2	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
3		1	1	0	3	3	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
4		1	1	0	0	0	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
5		1	1	0	0	0	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
6		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
7		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
8		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
9		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
10		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
11		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
12		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
13		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
14		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
15		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
16		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
17		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
18		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
19		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
20		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
21		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
22		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
23		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
24		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
25		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
26		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
27		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10
28		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y				Y	Y	5	1	Y	Y	Y	10

Double click can change parameter, then save immediately. Please noted the modified information in bottom of current page.

4. Cắm máy lẻ gọi ra trên từng LINE

Bước 1: Phân LINE

Vào mục Trunk Parameter → CO LINE GROUP chúng ta phân LINE theo nhóm

PBX Parameters

Trunk parameter | LCR | **CO Line Group** | IP Dialing | Relay affiliated | E1%Ô¿Û | E10Đ%¿s*Á: | |

Group number	CO Line group member	
1	1	← LINE 1
2	2	← LINE 2
3	3	← LINE 3
4	4	← LINE 4
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		
13		
14		
15		
16		
17		
18		

[CO Line group member].
1-32: setting all CO lines are members of a certain CO line group, 1,3,6-10. CO line

Bước 2: Vào mục EXT Parameter chỉ định máy lẻ gọi ra trên LINE nào

VD: Máy lẻ 101 chỉ được gọi ra trên LINE 1

Ext parameter | Ext group parameter | Máy lẻ 101 chỉ dc gọi ra trên LINE 1

Port	Flexible Coding	Out Mode	Intercom Ext	Class, day	Class, night	Duration	Trunk group available Day	Trunk group available Night	Transfer	Transfer number	Ext password	Enable Transfer	Hotline
1	101	Indirect		1	1	0	1	1	No transfer	601	0000	Y	
2	102	Indirect		1	1	0	2	2	No transfer	601	0000	Y	
3	603	Indirect		1	1	0	3	3	No transfer	601	0000	Y	
4	604	Indirect		1	1	0	0	0	No transfer	601	0000	Y	
5	605	Indirect		1	1	0	0	0	No transfer	601	0000	Y	
6	606	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
7	607	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
8	608	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
9	609	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
10	610	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
11	611	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
12	612	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
13	613	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
14	614	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
15	615	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
16	616	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
17	617	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
18	618	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
19	619	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
20	620	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
21	621	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
22	622	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	
23	623	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y	

[CO Line group member]:
1-32: setting all CO lines are members of a certain CO line group; 1,3,6-10: CO line

VD: Máy lẻ 102 chỉ được gọi ra trên LINE 2

Ext parameter | Ext group parameter | Máy lẻ 102 chỉ dc gọi ra trên LINE 2

Port	Flexible Coding	Out Mode	Intercom Ext	Class, day	Class, night	Duration	Trunk group available Day	Trunk group available Night	Transfer	Transfer number	Ext password	Enable Transfer	Hotline	Enat IP
1	101	Indirect		1	1	0	1	1	No transfer	601	0000	Y		
2	102	Indirect		1	1	0	2	2	No transfer	601	0000	Y		
3	603	Indirect		1	1	0	3	3	No transfer	601	0000	Y		
4	604	Indirect		1	1	0	0	0	No transfer	601	0000	Y		
5	605	Indirect		1	1	0	0	0	No transfer	601	0000	Y		
6	606	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
7	607	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
8	608	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
9	609	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
10	610	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
11	611	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
12	612	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
13	613	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
14	614	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
15	615	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
16	616	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
17	617	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
18	618	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		
19	619	Indirect		1	1	0	0	2	No transfer	601	0000	Y		

[CO Line group member]:
1-32: setting all CO lines are members of a certain CO line group; 1,3,6-10: CO line

5. Ghi âm lời chào qua PC

Bước 3: Kích hoạt lời chào #*0000 1030#

Bước 4: Điều chỉnh hết thời gian phát lời chào đồ chuông vào máy lễ tân

PBX Parameters

	System	time	transfer	OGM and Incoming	Door Phone	Prefix Management	Private Class	Abbreviate dialing
Ext Parameter								
Trunk Parameter								
System Parameter								
change PBX password								
Exit								
	1			OGM parameter				Available OGM Available in day/night
								OGM busy processing Waiting
								Send howling tone Y
								processing time after playing OGM 5
								No dialing processing Transfer to operator ringing Ext.
	3			Auto-attendant parameter				Called extension processing CO line reservation
								Busy waiting 0
								Called extension processing Transfer to operator ringing Ext.
	4			Operator ringing parameter				Ringling All ringling
								Busy and send howling tone
								waiting
	6							Enable operator/auto-attendant when incoming call delay 1
	7			Traffic voice Setting				First section (voice in day) Use the first section prerecorded
								Second section (voice in lunch time) Use the second section
								Third section (voice in night) Use the third section prerecorded
								Forth section (the extension you dialed is busy) Use the forth section prerecorded
								Firth section (the extension you dialed is not answered) Use the fifth section prerecorded
								Sixth section (when the extension number you dialed is not Use the sixth section prerecorded
								Seven section (when the call is under transfer) Use the seventh section
	8			Function voice setting				alarm clock voice Disable
								Emergency warning voice Disable
	9			OGM Volume				OGM Volume 4,4,4,4